

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 206/2022/HS-ST.

Ngày: 23-11-2022.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Minh Trí.

2. Ông Nguyễn Văn Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T5 – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:
Ông Dương Văn Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 191/2022/HSST ngày 18 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2022/QĐXXST-HS ngày 08/11/2022 đối với các bị cáo:

1. Trần Kiều G, sinh năm 1986, tại tỉnh Hậu Giang.

Hộ khẩu thường trú: Ấp X xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm T5ê; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn U, sinh năm 1958 và bà Kiều Thị Y, sinh năm 1963; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 5 anh chị em; Bị cáo có vợ tên Đặng Thị Kim T, sinh năm 1992 và có 02 con (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/11/2021 và chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nhơn Trạch.

2. Nguyễn Văn H1, sinh năm 1990, tại tỉnh Kiên Giang.

Hộ khẩu thường trú: Ấp T1, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K sinh năm 1961 và bà Trần Thị C, sinh năm 1961; Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có 4 chị em; Bị cáo có vợ tên Lê Thị P, sinh năm: 1993 và có 02 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2019).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/11/2021 và chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nhơn Trạch.

3. Đặng Văn D, sinh năm 1999, tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Hộ khẩu thường trú: Ấp K2, xã B, huyện C1, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn T2, sinh năm 1963 và bà

Cao Thị H2, sinh năm 1976; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 4 chị em; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/11/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nhơn Trạch.

4. Lê Tấn K1, sinh năm 1996, tại tỉnh Cà Mau.

Hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã T3, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hải T4, sinh năm 1976 và bà Trần Thị Mộng T5, sinh năm 1978; Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 2 anh em; Bị cáo có vợ tên Huỳnh Thúy O, sinh năm: 1999 và có 01 con sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/11/2021 và chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nhơn Trạch.

- *Bị hại*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ điện Rotong Việt Nam T5ộc Khu công nghiệp 3, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (Người đại diện theo pháp luật).

Địa chỉ trụ sở: Đường Trần Phú, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 3 – giai đoạn 1, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Lê Hải T4, sinh năm 1976, cư trú tại ấp N, xã T3, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ: Ấp Bến Sắn, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (trợ nhà bà Hương).

+ Bà Cao Thị H2, sinh năm 1976, cư trú tại ấp K2, xã B, huyện C1, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Địa chỉ: Khu phố Phước Lai, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị Trần Thị Kim H3, sinh năm 1987, cư trú tại ấp 9, xã La Ngà, huyện Đ1, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Khu chung cư IDICO, khu phố Mỹ Khoan, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

(Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, bị hại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H2 là tài xế lái xe tải, Đặng Văn D là tài xế lái xe nâng và Lê Tấn K1 làm nhiệm vụ chuyển đồng từ kho đến xưởng sản xuất đều là nhân viên của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ điện Rotong Việt Nam (sau đây gọi là Công ty Rotong) thuộc Khu công nghiệp 3, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Trần Kiều G là người chuyên Thu mua phế liệu giấy của Công ty Rotong Việt Nam.

Vào đầu tháng 11/2021, trong khi thu mua giấy tại Công ty Rotong, Trần Kiều G gặp Nguyễn Văn H2 bàn bạc thực hiện việc trộm cắp đồng nguyên liệu của Công ty đem ra ngoài bán cho G với giá 150.000 đồng/kY. H2 đồng ý, sau đó H2 rủ Đặng Văn D, Lê Tấn K1 cùng tham gia trộm cắp đồng nguyên liệu để bán cho G lấy tiền chia nhau tiêu xài. K1 và D đồng ý tham gia. H2 phân công cho K1 khi đi

nhận đồng nguyên liệu đưa về kho sản xuất nếu có đồng nguyên liệu dư thì báo cho D để D điều khiển xe nâng đưa toàn bộ số đồng nguyên liệu mà K1 trộm cắp được lên xe tải của H2 rồi H2 điều khiển xe ô tô tải của công ty để chở số đồng nguyên liệu trộm cắp được cùng với K1 đi bán cho G, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 14/11/2021, với thủ đoạn như đã nêu trên Nguyễn Văn H2, Đặng Văn D và Lê Tấn K1 cùng nhau trộm cắp 05 cuộn dây đồng nguyên liệu của Công ty Rotong với tổng trọng lượng 114 kg rồi nâng lên xe ô tô tải của công ty và được H2 cùng với K1 chở đi bán cho Trần Kiều G với giá tiền là: 17.100.000 đồng. Sau đó, H2 chia cho K1 3.800.000 đồng, chia cho D 6.650.000 đồng, còn lại H2 nhận 6.650.000 đồng.

- Lần thứ hai: Vào ngày 16/11/2021 cũng thủ đoạn như trên Nguyễn Văn H2, Đặng Văn D và Lê Tấn K1 cùng nhau trộm cắp 06 cuộn dây đồng nguyên liệu có tổng trọng lượng 141 kg và mang đến bán cho Trần Kiều G với giá tiền là: 21.150.000 đồng. Sau đó, H2 chia cho K1 4.700.000 đồng, chia cho D 8.225.000 đồng, còn lại H2 nhận 8.225.000 đồng.

- Lần thứ ba: Vào ngày 18/11/2021 Nguyễn Văn H2, Đặng Văn D và Lê Tấn K1 cùng nhau trộm cắp 16 cuộn dây đồng nguyên liệu có tổng trọng lượng 420 kg và bán cho Trần Kiều G với giá tiền là: 63.000.000 đồng. Sau đó, H2 chia cho K1 17.500.000 đồng, chia cho D 12.300.000 đồng, còn lại H2 nhận 33.200.000 đồng.

Đến ngày 23/11/2021, đại diện của Công ty Rotong là bà Nguyễn Thị Như Y đến Đồn Công an Khu công nghiệp 3, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai trình báo sự việc Công ty Rotong bị mất trộm tài sản là 27 cuộn dây đồng nguyên liệu. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn H2, Đặng Văn D, Lê Tấn K1 và Trần Kiều G nhận thấy hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật nên đến Đồn Công an Khu công nghiệp 3, huyện Nhơn Trạch đầu thú và giao nộp 07 cuộn dây đồng nguyên liệu. Công an Đồn Khu công nghiệp lập hồ sơ chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch xử lý theo thẩm quyền.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số 100/KLĐG-HĐĐG ngày 16/9/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Nhơn Trạch xác định:

27 cuộn dây đồng nguyên liệu gồm: 05 cuộn dây đồng có mã số MWZ Q(ZY/XY)-2/200-0.670, tổng trọng lượng 150kg; 06 cuộn dây đồng có mã số Q(ZY/XY)-2/200-0.630, tổng trọng lượng 186,72kg; 09 cuộn dây đồng có mã số Q(ZY/XY)-2/200-0.750, tổng trọng lượng 271,08kg; 03 cuộn dây đồng có mã số Q(ZY/XY)-2/200-0.630, tổng trọng lượng 93,47kg; 03 cuộn dây đồng có mã số Q(ZY/XY) -2/200-0.570, tổng trọng lượng 83,53kg và 01 cuộn dây đồng có mã số Q(ZY/XY) -2/200-1.150, trọng lượng 28,49kg; có tổng giá trị là: 215.215.511 đồng (hai trăm mười lăm triệu, hai trăm mười lăm nghìn, năm trăm mười một đồng).

* Vật chứng thu giữ: 07 cuộn dây đồng nguyên liệu do G tự nguyện giao nộp, đây là số cuộn dây đồng nguyên liệu trong số 16 cuộn mà các bị cáo lén lút chiếm đoạt ngày 18/11/2021.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch, cũng như tại phiên tòa, các bị cáo G, H2, D, K1 đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nêu trên phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các vật chứng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập tại hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 176/CT-VKSNT ngày 18/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đã truy tố các bị cáo Trần Kiều G, Nguyễn Văn H2, Đặng Văn D, Lê Tấn K1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 3, Điều 173; Điều 38, điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 54; Điều 17; Điều 58 của Bộ Luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Kiều G mức án từ 05 năm đến 05 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2021; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H2 mức án từ 04 năm đến 04 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2021; xử phạt bị cáo Đặng Văn D mức án từ 03 năm 6 tháng đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2021; xử phạt bị cáo Lê Tấn K1 mức án từ 03 năm 6 tháng đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Kiều G đã tự nguyện khắc phục hậu quả giao nộp lại 07 cuộn dây đồng cho bị hại và bị hại đã nhận lại tài sản của mình; đại diện gia đình các bị cáo Nguyễn Văn H2, Đặng Văn D, Lê Tấn K1 đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả với tổng số tiền là 165.000.000 đồng cho bị hại và bị hại không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Lê Hải T4, bà Cao Thị H2, chị Trần Thị Kim H3– Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện gia đình, đã tự nguyện bồi thường thay cho các bị cáo H2, D, K1 tổng số tiền 165.000.000 đồng cho bị hại và có Ý kiến không yêu cầu các bị cáo nêu trên hoàn trả lại. Đồng thời, ngày 14/10/202, bị hại có đơn bãi nại đối với các bị cáo và có ý kiến xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm quay về với gia đình. Các ý kiến nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận.

- Về xử lý vật chứng của vụ án:

+ 07 cuộn dây đồng mà các bị cáo lén lút chiếm đoạt ngày 18/11/2021 (do bị cáo G tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả) đã trả lại cho bị hại - chủ sở hữu hợp pháp.

+ Tổng số tiền khắc phục hậu quả là 165.000.000 đồng (mỗi gia đình các bị cáo H2, K1, D đã tự nguyện giao nộp số tiền 55.000.000 đồng) Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch đã trả lại cho bị hại - chủ sở hữu hợp pháp.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng; các bị cáo không tranh luận, bào chữa về hành vi của mình; các bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ, nhưng bị hại vắng mặt không lý do. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử, vì trong quá trình tiến hành tố tụng, bị hại đã có lời khai, ý kiến và có đơn xin bãi nại cho các bị cáo; đã nhận được tài sản bị chiếm đoạt và số tiền bồi thường, khắc phục hậu quả của các bị cáo. Đồng thời, tại phiên tòa, Hội đồng xét

xử sẽ công khai lời khai, ý kiến, cũng như các tài liệu, chứng cứ liên quan, cũng đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại và đảm bảo đúng tố tụng.

Do vậy, sự vắng mặt của bị hại tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại là phù hợp với quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể:

Do có tư tưởng hưởng thụ, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền tiêu xài cá nhân, nên các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, nên đã cố ý cùng thực hiện hành vi phạm tội lén lút chiếm đoạt tài sản, bất chấp sự trừng trị của pháp luật: Từ ngày 14 tháng 11 năm 2021 đến ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ điện Rotong Việt Nam thuộc Khu công nghiệp 3, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, các bị cáo Nguyễn Văn H2, Đặng Văn D, Lê Tấn K1 đã 3 lần có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 27 cuộn dây đồng nguyên liệu gồm: 05 cuộn dây đồng có mã số MWZ Q(ZY/XY)-2/200-0.670, tổng trọng lượng 150kg; 06 cuộn dây đồng có mã số Q(ZY/XY)-2/200-0.630, tổng trọng lượng 186,72kg; 09 cuộn dây đồng có mã số Q(ZY/XY)-2/200-0.750, tổng trọng lượng 271,08kg; 03 cuộn dây đồng có mã số Q(ZY/XY)-2/200-0.630, tổng trọng lượng 93,47kg; 03 cuộn dây đồng có mã số Q(ZY/XY) -2/200-0.570, tổng trọng lượng 83,53kg và 01 cuộn dây đồng có mã số Q(ZY/XY) -2/200-1.150, trọng lượng 28,49k; Có tổng giá trị là: 215.215.511 đồng (hai trăm mười lăm triệu, hai trăm mười lăm nghìn, năm trăm mười một đồng) mang đến bán cho bị cáo Trần Kiều G vì đã có lời hứa hẹn trước đó sẽ mua nếu lấy được đồng của công ty bán ra ngoài. Hành vi vi phạm nêu trên của các bị cáo bị phát hiện và xử lý. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Trần Kiều G, Nguyễn Văn H2, Đặng Văn D, Lê Tấn K1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, tổ chức được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

Các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội ba lần như Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đã truy tố, nên xem xét áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đây là các tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo G với tính chất rủ rờ, lôi kéo, có bàn bạc hứa hẹn trước với bị cáo Nguyễn Văn H2 thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là sẽ thu mua lại và thỏa thuận giá chênh lệch theo đề nghị của bị cáo H2 trong việc chia tiền với các bị cáo còn lại, nên bị cáo G với vai trò đầu vụ; bị cáo Nguyễn

Văn H2 có vai trò rủ rê các bị cáo Đặng Văn D, Lê Tấn K1 và cùng thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản một cách tích cực của bị hại và chở tải sản mang đi bán cho bị cáo G nên bị cáo H2 là đồng phạm giữ vai trò thứ 2 trong vụ án; bị cáo Đặng Văn D và bị cáo Lê Tấn K1 là đồng phạm tích cực trong việc thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức. Sau khi bán được tài sản đã chiếm đoạt, các bị cáo chia tiền với nhau để tiêu xài cá nhân.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự và phạm tội lần đầu; sau khi phạm tội đã tự nguyện đến Cơ quan Công an đầu thú; đồng thời, ngày 14/10/2022, bị hại có đơn bãi nại đối với các bị cáo và có ý kiến xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm quay về với gia đình; riêng gia đình bị cáo Nguyễn Văn H2, Lê Tấn K1 thuộc gia đình, dòng họ tộc có công với cách mạng, với tổ quốc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nên xem xét áp dụng các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo;

Đối với các các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1, khoản 2 Điều 51 nêu trên của các bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc lượng hình để giảm nhẹ một phần hình phạt tương xứng cho các bị cáo.

Các bị cáo tuy có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là phạm tội ba lần với tổng số tiền cộng lại: 215.215.511 đồng (mà số tiền khởi điểm tại điểm a khoản 3 Điều 173 là 200.000.000đ), nhưng lại có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như đã viện dẫn. Xét đến đặc điểm nhân thân, thái độ cũng như khả năng cải tạo của các bị cáo và so với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội đối với các bị cáo trong vụ án này (tài sản bị chiếm đoạt đã được bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả hoàn toàn vì thế bị hại đã có đơn bãi nại, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, để các bị cáo có cơ hội sớm làm lại cuộc đời) thì Hội đồng xét xử quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để các bị cáo nhận thức, cải tạo, giáo dục trở thành công dân lương thiện, có ích và giảm gánh nặng xã hội bên cạnh sự răn đe, phòng ngừa chung của chính sách pháp luật hình sự với một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo cùng với sự thể hiện chính sách khoan hồng pháp luật của Nhà nước.

[4] Về xử lý vật chứng của vụ án:

+ Ghi nhận 07 cuộn dây đồng mà các bị cáo lén lút chiếm đoạt ngày 18/11/2021 (do bị cáo G tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả) đã trả lại cho bị hại - chủ sở hữu hợp pháp.

+ Ghi nhận tổng số tiền bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả là 165.000.000 đồng (mỗi gia đình các bị cáo H2, K1, D đã tự nguyện giao nộp số tiền 55.000.000 đồng), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch đã trả lại cho bị hại - chủ sở hữu hợp pháp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Kiều G đã tự nguyện khắc phục hậu quả giao nộp lại 07 cuộn dây đồng cho bị hại và bị hại đã nhận lại tài sản của mình; đại diện gia đình các bị cáo Nguyễn Văn H2, Đặng Văn D, Lê Tấn K1 đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả với tổng số tiền là 165.000.000 đồng cho bị hại và bị hại không có yêu cầu gì. Đồng thời, ông Lê Hải T4, bà Cao Thị H2, chị Trần Thị Kim H3 không có yêu cầu các bị cáo phải hoàn lại số tiền tương ứng mà họ đã thay mặt các bị cáo bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc các bị cáo Trần Kiều G, Nguyễn Văn H2, Đặng Văn D, Lê Tấn K1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, khoản 3 Điều 173; Điều 38, điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 17; Điều 58 của Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố các bị cáo **Trần Kiều G, Nguyễn Văn H2, Đặng Văn D, Lê Tấn K1** phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

Xử phạt bị cáo **Trần Kiều G 05 (năm) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 23/11/2021.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H2 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 23/11/2021.

Xử phạt bị cáo **Đặng Văn D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 23/11/2021.

Xử phạt bị cáo **Lê Tấn K1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 23/11/2021.

Về xử lý vật chứng của vụ án:

+ Ghi nhận 07 cuộn dây đồng mà các bị cáo lén lút chiếm đoạt ngày 18/11/2021 (do bị cáo G tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả) đã trả lại cho bị hại - chủ sở hữu hợp pháp.

+ Ghi nhận tổng số tiền bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả là 165.000.000 đồng (mỗi gia đình các bị cáo H2, K1, D đã tự nguyện giao nộp số

tiền 55.000.000 đồng), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch đã trả lại cho bị hại - chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Kiều G đã tự nguyện khắc phục hậu quả giao nộp lại 07 cuộn dây đồng cho bị hại và bị hại đã nhận lại tài sản của mình; đại diện gia đình các bị cáo Nguyễn Văn H2, Đặng Văn D, Lê Tấn K1 đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả với tổng số tiền là 165.000.000 đồng cho bị hại và bị hại không có yêu cầu gì. Đồng thời, ông Lê Hải T4, bà Cao Thị H2, chị Trần Thị Kim H3 không có yêu cầu các bị cáo phải hoàn lại số tiền tương ứng mà họ đã thay mặt các bị cáo bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc các bị cáo Trần Kiều G, Nguyễn Văn H2, Đặng Văn D, Lê Tấn K1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Nhơn Trạch;
- Công an H. Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS H. Nhơn Trạch;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hường